

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **297/2022/HNGĐ - ST**

Ngày 25 - 8 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đậu Thị Mỹ Long.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1459/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 338/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: 1243, tổ 18, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông **Trần Mạnh C**, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: 1243, tổ 18, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2022, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Mạnh C tự nguyện đến với nhau vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24 tháng 6 năm 2010.

Sau khi kết hôn bà và ông Trần Mạnh C chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù đã nhiều lần trao đổi nhưng vẫn không hàn gắn được. Nay bà xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà xin được ly hôn với ông Trần Mạnh C.

Về con chung: Có 01 con chung cháu Trần Hà M, sinh ngày 16/9/2010. Ly hôn, bà Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hà M, sinh ngày 16/9/2010. Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Trần Mạnh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Mạnh C: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đ ngày 24/6/2010 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H trình bày: Sau khi kết hôn bà và ông Trần Mạnh C chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù đã nhiều lần trao đổi nhưng vẫn không hàn gắn được. Nay bà xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà xin được ly hôn với ông Trần Mạnh C. Mặc dù xác minh tại địa phương không rõ nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh C, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trần Mạnh C lên làm việc nhưng ông C vẫn vắng mặt không lý do, điều này chứng tỏ ông Trần Mạnh C không có thiện chí để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn ông Trần Mạnh C là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung cháu Trần Hà M, sinh ngày 16/9/2010. Ly hôn, bà Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hà M, sinh ngày 16/9/2010. Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Trần Mạnh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do ông Trần Mạnh C không có lời khai nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Căn cứ các Điều 9, 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Trần Mạnh C.

Về con chung: Giao cháu Trần Hà M, sinh ngày 16/9/2010 cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Mạnh C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 14/7/2022 bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Văn phòng Thừa phát lại B đã tiến hành thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Trần Mạnh C để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Trần Mạnh C vẫn vắng mặt không đến Tòa án nhân dân thành phố B để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh C có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Đã được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24 tháng 6 năm 2010 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Thị H trình bày sau khi kết hôn bà và ông Trần Mạnh C chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không được hòa thuận, bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau.

Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B: Đại diện Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đ cung cấp: Vợ chồng bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 và ông Trần Mạnh C, sinh năm 1985; địa chỉ: 1243, tổ 18, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đ có xảy ra mâu thuẫn nhưng địa phương không rõ nguyên nhân do bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh C không báo địa phương để hòa giải.

Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B: Công an phường L, thành phố B, tỉnh Đ cung cấp: Ông Trần Mạnh C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 1243, tổ 18, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đ. Hiện nay, ông Trần Mạnh C vẫn còn sinh sống tại địa chỉ: 1243, tổ 18, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

Xét mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh C đã xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Mạnh C.

[3] Về con chung: Có 01 con chung cháu Trần Hà M, sinh ngày 16/9/2010. Ly hôn, bà Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hà M, sinh ngày 16/9/2010. Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Trần Mạnh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại bản tự khai ngày 16/6/2022 của cháu Trần Hà M, sinh ngày 16/9/2010 có nguyện vọng sống với bà Nguyễn Thị H. Vì vậy, giao con chung cháu Trần Hà M, sinh ngày 16/9/2010 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Trần Mạnh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Mạnh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Theo bà Nguyễn Thị H trình bày tài sản không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do ông Trần Mạnh C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Theo bà Nguyễn Thị H trình bày bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Nhưng do ông Trần Mạnh C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc giải quyết tranh chấp và nghĩa vụ chịu án phí của bà Nguyễn Thị H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 203, 220, 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Mạnh C về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Mạnh C.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh C có 01 con chung cháu Trần Hà M, sinh ngày 16/9/2010.

Giao con chung cháu Trần Hà M, sinh ngày 16/9/2010 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Trần Mạnh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Mạnh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương

sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Theo bà Nguyễn Thị H trình bày bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do ông Trần Mạnh C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Theo bà Nguyễn Thị H trình bày bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Nhưng do ông Trần Mạnh C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Nguyễn Thị H nộp theo biên lai số 0002700 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ được tính trừ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ (2);
- THA thành phố B (2);
- VKSND thành phố B (2);
- UBND phường P,
TP. B, tỉnh Đ (1);
- Đường sự (2);
- Lưu.

Trần Thị Kim Dung